

Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN - TNHH MTV  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11



ĐC: 205 Lạc Long Quân - P 3 - Q 11 - TP. HCM  
ĐT: (028) 39634001 – 39634888 - 39634999  
Fax : (028) 39636186 – res11@diaoc11.com.vn

\*\*\*

Số : 130/D11-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Địa ốc 11

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: D11

- Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, Phường 03, Quận 11, TP.HCM

- Điện thoại liên hệ: 028.39634001 - 028.39634888 Fax: 028.39636186

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Quyết định 01/QĐ-HDQT ngày 22/11/2024 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin kèm Quy chế công bố thông tin.

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/11/2024 tại đường dẫn [www.diaoc11.com.vn](http://www.diaoc11.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Quyết định 01/QĐ-HDQT ngày 22/11/2024.

- Quy chế CBTT của Cty CP Địa ốc 11.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Khắc Giang

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN - TNHH MTV  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11



ĐC: 205 Lạc Long Quân - P 3 - Q 11 - TP. HCM  
ĐT: 02839634001 - 02839634888 - 02839634999  
Fax : ( 84.8 ) 39636186 – res11@diaoc11.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/QĐ-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Địa ốc 11;
- Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế công bố thông tin;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo quyết định này: “Quy chế công bố thông tin Công ty Cổ phần Địa ốc 11”.

**Điều 2:** Quy chế công bố thông tin có hiệu lực áp dụng thi hành kể từ ngày 22/11/2024.

**Điều 3:** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chịu trách thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TBKS (để biết);
- Lưu: VT.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024

## QUY CHẾ

### Công bố thông tin của Công ty cổ phần Địa ốc 11

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01/QĐ-HĐQT ngày 22/11/2024  
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa ốc 11)

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định nội dung, trình tự và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị trong Công ty cổ phần Địa ốc 11 (“Công ty”) về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

a. Công ty cổ phần Địa ốc 11;

b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ; và các Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Công ty” là Công ty cổ phần Địa ốc 11

2. “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

3. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;



d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.

4. Người được ủy quyền công bố thông tin là người được người đại diện pháp luật của Công ty ủy quyền thực hiện việc công bố thông tin và đăng ký, báo cáo theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 5 Quy chế này.

6. UBCKNN là viết tắt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. IDS là hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

8. VSDC là viết tắt của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

9. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty là: <https://diaoc11.com/>

### **Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a. Người công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, các cổ đông và Công ty về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Người công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b. Việc công bố các thông tin cá nhân (bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân, số Chứng minh thư quân nhân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email...) chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

3. Người công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp Công ty công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo.

5. Trường hợp Công ty bị hủy niêm yết/hủy đăng ký giao dịch/hủy tư cách công ty đại chúng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Quy chế này cho đến ngày hủy niêm yết/hủy

đăng ký giao dịch/hủy tư cách công ty đại chúng có hiệu lực theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

#### **Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Người thực hiện công bố thông tin của Công ty là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền thay mặt Tổng Giám đốc giải quyết các công việc trong thời gian Tổng Giám đốc vắng mặt có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

#### **Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin**

Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

1. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
2. IDS;
3. Hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán;
4. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
5. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

#### **Điều 6. Nội dung công bố thông tin**

1. Công bố thông tin định kỳ:

Công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

STT	Loại CBTT	Thời hạn công bố và biểu mẫu (nếu có)
1	Báo cáo tài chính năm	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2	Báo cáo tài chính bán niên	Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét/kiểm toán nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính.
3	Báo cáo tài chính quý	Theo chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
4	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Theo mẫu Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC</i>
5	Báo cáo tình hình quản trị công ty (6 tháng và năm)	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch <i>Theo mẫu Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC</i>



6	Thông tin họp Đại hội đồng cổ đông	<p>Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.</p> <p><i>Bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)</i></p> <p><i>Sau đại hội: Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC (trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện)</i></p>
7	Báo cáo sử dụng vốn	<p>Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư: báo cáo định kỳ 6 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được (báo cáo UBCKNN)</p>

## 2. Công bố thông tin bất thường:

2.1. Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các hướng dẫn cụ thể sau:

STT	Nội dung CBTT	Biểu mẫu
1	Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ	<p>Phụ lục I Thông báo thay đổi nhân sự - Quy chế CBTT của SGDCKVN</p> <p>Phụ lục III Bản cung cấp thông tin (người nội bộ mới) - Thông tư số 96/2020/TT-BTC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức đăng ký giao dịch liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả trường hợp người có liên quan có sở hữu và không sở hữu cổ phiếu) tại Mục 16 mẫu Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC .</li> <li>- Trường hợp người liên quan không thực hiện cung cấp thông tin theo Mục 16, tổ chức đăng ký giao dịch ghi chú tại trường số 17 Mục 16 Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC , tổ chức đăng ký giao dịch ghi rõ “người liên quan không cung cấp thông tin”.</li> <li>- Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC , tổ chức đăng ký giao dịch báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin theo mẫu quy định tại</li> </ul> <p>Phụ lục II Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ - Quy chế CBTT của SGDCKVN.</p>
2	Thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	<p>Phụ lục III Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Quy chế CBTT của SGDCKVN</p>
3	Thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết	<p>Phụ lục V Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết - Quy chế CBTT của SGDCKVN</p>

		<p>Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;</li> <li>- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;</li> <li>- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.</li> </ul>
4	Các thông tin bất thường khác:	Phụ lục VI Công bố thông tin bất thường - Quy chế CBTT của SGDCNVN
-	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường	Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn
-	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ;	ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
-	Cổ tức	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu
-	Thông tin công ty	thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
-	Kỳ kế toán – đơn vị kiểm toán	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng; thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;



-	Giao dịch với người nội bộ, người có liên quan	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;
-	Mua bán tài sản, giao dịch có giá trị lớn	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.
-	Khởi tố	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty
-	Quyết định xử lý vi phạm về thuế	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
-	Các thông tin theo điểm a, p, q, r, s tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC	

2.2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 2.1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

2.3. Công bố thông tin về hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc CBTT về hợp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC;

b) Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

2.4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự hợp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2.5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

2.6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp



trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

### 3. Công bố thông tin theo yêu cầu

3.1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết/đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

3.2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

### 4. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty

Công ty thực hiện công bố thông tin về các hoạt động khác theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các hướng dẫn cụ thể sau:

a) Công ty công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP).

b) Công ty công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

c) Công ty công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Chứng khoán, Điều 8 Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán và khoản 3 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

### 5. Công bố thông tin của các đối tượng khác:

5.1. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

a) Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

b) Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

c) Quy định tại điểm a và b Khoản 5.1 Điều 5 cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

d) Quy định tại điểm a, b và c Khoản 5.1 Điều 5 không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu.

e) Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại điểm a, b, c Khoản 5.1 Điều 5.

5.2. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

a) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch), Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể theo quy định tại Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BTC

b) Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại điểm a Khoản 5.2 Điều 5 quy định này.

c) Trường hợp, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Khoản này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **Điều 7. Quy trình công bố thông tin**

Quy trình công bố thông tin được thực hiện theo các bước sau:

### ***Bước 1. Gửi thông tin***

- Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan của Công ty phải ngay lập tức gửi thông tin đến Người công bố thông tin hoặc Phòng/Ban phụ trách việc công bố thông tin theo thời hạn quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố;

- Các bộ phận, cá nhân có liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu công bố thông tin cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, VSDC và công bố trên các phương tiện công bố thông tin.

### ***Bước 2. Xử lý thông tin***

Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người công bố thông tin/Phòng/Ban phụ trách công bố thông tin thực hiện theo trình tự:

- Kiểm tra thông tin;
- Đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
- Soạn thảo văn bản công bố thông tin theo quy định của pháp luật.



### ***Bước 3. Trình phê duyệt văn bản công bố***

Phòng/Ban phụ trách công bố thông tin trình văn bản công bố thông tin để người công bố thông tin phê duyệt.

### ***Bước 4. Báo cáo và công bố***

- Các bộ phận liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Người công bố thông tin nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh;

- Sau khi chắc chắn rằng thông tin công bố chính xác, Người công bố thông tin công bố trên website của Công ty, hệ thống của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, VSDC hoặc gửi văn bản đến UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, VSDC đảm bảo tuân thủ thời hạn đối với từng loại công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu.

### ***Bước 5. Bảo quản và lưu trữ thông tin***

Thông tin sau khi đã thực hiện Báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tại Công ty trong thời hạn như sau:

- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

- Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

### **Điều 8. Trách nhiệm của người công bố thông tin**

Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, VSDC, cổ đông, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

### **Điều 9. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các cá nhân, đơn vị**

- Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các thành phần liên quan cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này;

- Trưởng các Phòng/ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người công bố thông tin.

- Các phòng/ban chịu trách nhiệm về nội dung phải gửi thông tin cần công bố cho Người công bố thông tin trong thời hạn sau:

+ Đối với thông tin công bố trong vòng 24h: gửi thông tin cần công bố trong vòng 12h kể từ khi phát sinh sự kiện, không phụ thuộc ngày làm việc hay ngày nghỉ;

+ Đối với thông tin còn lại: gửi tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn công bố thông tin.

### **Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

- Các đối tượng áp dụng Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định về công bố thông tin gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty theo quy định của pháp luật.

- Việc xử lý vi phạm được thực hiện theo quy định tại Nội quy lao động và các quy định nội bộ khác của Công ty.

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các cá nhân, các Phòng/Ban trong Công ty thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy chế này có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Người công bố thông tin hoặc bộ phận phụ trách công bố thông tin để được hướng dẫn và giải quyết.
4. Bất cứ vấn đề nào liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty chưa được cung cấp trong Quy chế này sẽ được quy định bởi pháp luật liên quan của Việt Nam về nghĩa vụ công bố thông tin, Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch nơi Công ty đăng ký giao dịch/niêm yết và các văn bản pháp luật liên quan./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Trần Thị Kim Huệ*